

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUA CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI (1976 - 2016)

PGS, TS TRẦN HẬU

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là thắng lợi của tình đoàn kết thống nhất các dân tộc trên cả nước. Một thời kỳ lịch sử mới đã đặt ra nhiều vấn đề trong công đồng các dân tộc Việt Nam, đòi hỏi phải có sự vận dụng sáng tạo quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng cho phù hợp với tình hình mới.

Đại hội IV (1976) của Đảng đã tổng kết những bài học lịch sử của dân tộc qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và đề ra các quan điểm nổi bật về vấn đề dân tộc. Nghị quyết Đại hội nêu rõ: Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Khẳng định vai trò của các dân tộc thiểu số đã có cống hiến vẻ vang vào công cuộc chống Mỹ cứu nước vĩ đại; Chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng là đúng đắn nên đã tăng cường củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc, đem lại những thành tựu to lớn trong sản xuất và chiến đấu, tạo nên những bước tiến về mọi mặt cho các dân tộc; Quan điểm của Đảng là ra sức tăng cường khối đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc trong cả nước, phát huy tinh thần cách mạng và tiềm năng sáng tạo to lớn của các dân tộc để cùng nhau chung sức xây dựng đất nước; Thực hiện triệt để quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo những điều kiện để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho mọi dân tộc đều

có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phát triển toàn diện, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm chủ đất nước.

Vấn đề mấu chốt trong chính sách dân tộc của Đảng là đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, phát triển kinh tế, văn hóa một cách toàn diện, nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số, trong đó đặc biệt phải coi trọng những vấn đề như: Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế, văn hóa ở vùng dân tộc; Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc, ưu tiên cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý kinh tế; Tuyên truyền, giáo dục trong đồng bào dân tộc ít người về quyền lợi và nghĩa vụ, khắc phục biểu hiện tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tâm lý kỳ thị dân tộc còn rớt lại, và những khuynh hướng biệt phái, chia rẽ dân tộc, ảnh hưởng đến khối đoàn kết dân tộc¹.

Đại hội V (1982) của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm của Đại hội IV về vấn đề dân tộc, đồng thời tiếp tục nghiên cứu để giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra. Trong nhiệm kỳ mới cần tăng cường hơn nữa khối đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và cùng làm chủ tập thể, nâng cao nhận thức cho

các dân tộc ít người về tình hình, nhiệm vụ mới. Nhà nước tăng cường đầu tư cho các vùng dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về đời sống, nhất là ở vùng cao, biên giới nhằm khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại. Mỗi cấp, mỗi ngành phải thực hiện chính sách dân tộc của Đảng tùy theo điều kiện của mình, chú trọng đào tạo cán bộ lãnh đạo, bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật là người dân tộc, trước hết cho cấp huyện và cấp cơ sở².

Trong hoàn cảnh đất nước đang trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, đời sống nhân dân nói chung và các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, các quan điểm về vấn đề dân tộc của Đảng đã được cụ thể hóa thành nhiều chính sách trên các lĩnh vực, tạo điều kiện cho các dân tộc khắc phục khó khăn, vượt qua khủng hoảng.

Đại hội VI (1986) của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trên cơ sở đổi mới tư duy, nhận thức về lợi ích dân tộc và về mô hình phát triển đất nước, Đảng đề ra yêu cầu tăng cường nghiên cứu về dân tộc học và công tác điều tra, nghiên cứu xã hội học nhằm hiểu biết đầy đủ hơn về các dân tộc thiểu số ở nước ta, về những đặc thù và khác biệt cụ thể của từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, làm cho các nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ đi vào cuộc sống, tránh áp đặt một cách máy móc, dập khuôn trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở những vùng dân tộc thiểu số.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số để hoạch định chính sách là quan điểm đúng đắn nhằm khắc phục những sai lầm của quá khứ khủng hoảng, đã mở ra những hướng mới cho quan điểm chính sách dân tộc. Theo đó:

Kết hợp việc tăng cường đầu tư của các ngành, các cấp với động viên, khai thác, bảo vệ và phát triển tiềm năng thế mạnh của các dân tộc thiểu số, động viên tinh thần tự lực tự cường của các dân tộc thiểu số, tránh tình trạng bao cấp và ỷ lại.

Phát huy tinh thần đoàn kết, bình đẳng, tương trợ gắn bó truyền thống giữa các dân tộc, kết hợp phát triển kinh tế với phát triển xã hội, chăm lo đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số tại chỗ và dân di trú từ nơi khác đến.

Thực hiện sự phân bố lại lao động xã hội trên phạm vi cả nước gắn với việc hình thành cơ cấu xã hội mới ở vùng các dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thu hút các dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế, xã hội với tư cách người làm chủ đất nước như người đa số. Qua đó thực hiện quan điểm gắn sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc thiểu số với sự nghiệp chung của cả dân tộc, củng cố và phát triển lợi ích của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Đảng tôn trọng tính đa dạng, tính độc đáo trong mỗi dân tộc, thừa nhận sự tồn tại lâu dài và tính nhạy cảm của tình cảm dân tộc và tâm lý dân tộc, đồng thời đòi hỏi sự cẩn trọng khi xử lý những vấn đề liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi con người. Muốn vậy cần phải kiên quyết chống những biểu hiện tư tưởng “dân tộc lớn” và tư tưởng dân tộc hẹp hòi³.

Những phát triển trên của Đảng về vấn đề dân tộc là một bước tiến quan trọng, được rút ra qua kinh nghiệm thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới của các dân tộc thiểu số nước ta, thể hiện tư duy mới về vấn đề dân tộc.

Đại hội VII (1991) của Đảng là đại hội nhiệm kỳ đầu tiên thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI của Đảng đề ra. Trải qua những năm đầu tìm tòi, khảo nghiệm con đường đổi mới đất nước, tình hình đất nước đã dần dần

thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng đầy khó khăn. Những bước khởi đầu tuy khó khăn nhưng đã khẳng định con đường đổi mới đất nước là phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và đã rút ra được những kinh nghiệm bổ ích, tình hình chính trị của đất nước ổn định, nền kinh tế có bước chuyển biến tích cực, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, giữ vững quốc phòng an ninh. Tuy còn nhiều khó khăn và yếu kém nhưng hứa hẹn một triển vọng tích cực của công cuộc đổi mới đất nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua đã khẳng định quan điểm nhất quán về dân tộc của Đảng là: “Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ”⁴. Trong tình hình mới quan điểm đó cần quan tâm đến điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc trong phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số, tạo điều kiện về mọi mặt để có thể phát huy được thế mạnh của địa phương, dân tộc để làm giàu cho bản thân và đóng góp vào sự nghiệp chung xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan điểm gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội đòi hỏi phải đặc biệt coi trọng những vấn đề xã hội, nhất là tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn để bảo tồn và hoàn thiện chữ viết đối với các dân tộc thiểu số nhằm nâng cao trình độ dân trí của đồng bào. Cần đặc biệt có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người nhằm duy trì nòi giống và tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững của các dân tộc thiểu số, nhất là đối với những dân tộc thiểu số chỉ có ít người sinh sống tại những vùng sâu vùng xa, địa hình hiểm trở, thiên nhiên khắc nghiệt.

Đổi mới quan điểm về chính sách dân tộc, Đại hội VII của Đảng nhấn mạnh quan tâm đến

chính sách đối với người Hoa và người Khmer, là những dân tộc thiểu số liên quan đến quan hệ với hai nước láng giềng Trung Quốc và Campuchia. Đảng chủ trương bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân cho người Hoa, tôn trọng văn hóa và chữ viết, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người Hoa yên tâm làm ăn, phát triển kinh tế, vừa cải thiện đời sống cho mình vừa đóng góp xây dựng đất nước Việt Nam đồng thời vun đắp quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Đối với người Khmer, cần có nhiều chính sách và biện pháp giúp đỡ đồng bào Khmer phát triển kinh tế, nhất là những vùng có nhiều khó khăn⁵.

Sau những năm bước đầu khởi động công cuộc đổi mới, yêu cầu mới đặt ra là phải tháo gỡ mọi khó khăn, rào cản, phát động và khơi dậy tiềm năng to lớn trong dân, huy động mọi tầng lớp, giai cấp, mọi dân tộc, tôn giáo, mọi người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước đoàn kết chặt chẽ, vượt qua những khó khăn, trở ngại, cùng nhau xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh. Để đáp ứng yêu cầu đó, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết chuyên đề số 07, ngày 17-11-1993, về “Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Đây là bước phát triển mới trong quan điểm về vấn đề dân tộc của Đảng, trong đó nhấn mạnh trong bối cảnh quốc tế mới, yếu tố dân tộc trở thành một đặc điểm quan trọng. Đất nước ta đang đứng trước thời cơ mới, thách thức mới, để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách phải ra sức củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Nghị quyết khẳng định đoàn kết dân tộc phải được nâng lên tầm cao mới, chiều sâu mới, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và ở

nước ngoài, trở thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Đại đoàn kết phải lấy mục tiêu chung là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ, tiến bộ trên thế giới, làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; Cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật trên mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước, vì lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng, phát huy mọi người tài năng sáng tạo, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội, phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông; Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng đa dạng từ thấp đến cao, phát huy vai trò tích cực những người tiêu biểu trong các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo⁶.

Những nội dung trên là cơ sở để thực hiện những nguyên tắc chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới, phát triển và cụ thể hóa tinh thần Cương lĩnh của Đảng. Công cuộc đổi mới những năm về sau tiếp tục bổ sung và phát triển các quan điểm lý luận về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc của Đảng.

Đại hội VIII (1996) của Đảng đánh dấu bước chuyển biến mới của đất nước: Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng và kéo dài suốt 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ mới-thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đại hội khẳng định: “Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược lớn, phải

thực hiện “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ” giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng Luật Dân tộc”⁷; đồng thời phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu: Xóa được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc; Xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; Xây dựng được các cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

Dấu ấn quan trọng của nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng là việc HNTU 7 khoá IX (3-2003) ra Nghị quyết về “Công tác dân tộc”. Đây là nghị quyết chuyên đề vừa đề cập một cách toàn diện và tổng thể vấn đề dân tộc, vừa tập trung vào những vấn đề chủ yếu và cấp bách của công tác dân tộc trong thời kỳ mới. Nghị quyết nêu rõ: Dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề vừa cơ bản, lâu dài vừa là cấp bách của cách mạng Việt Nam; Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển, cùng phấn đấu thực hiện CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chống chia rẽ dân tộc; Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng ở vùng dân tộc, gắn kinh tế với xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc, khai thác thế mạnh từng vùng gắn với bảo vệ môi trường, phát huy nội lực gắn với tăng cường hỗ trợ từ bên ngoài và Trung ương; Xác định trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các ngành, các cấp, toàn hệ thống chính trị đối với công tác dân tộc⁸.

Những quan điểm đó tiếp tục được khẳng định và cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội X (2006) của Đảng.

Đại hội XI (2011) của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán về vấn đề dân tộc,

đồng thời nhấn mạnh nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia, đồng thời chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI (2011) của Đảng đã khẳng định quan điểm “các dân tộc bình đẳng, đoàn kết giúp nhau cùng phát triển”⁹, coi đó là một trong những đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng. Vấn đề tôn trọng dân tộc được khẳng định trong Cương lĩnh của Đảng, thể hiện sự tôn trọng quyền con người, quyền công dân của các dân tộc thiểu số, bảo đảm cho sự bình đẳng, đoàn kết và tương trợ đạt tới bền vững trên tầm cao mới. Đó là bước phát triển quan trọng trong quan điểm về vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cương lĩnh của Đảng đã tổng kết những bài học lớn của cách mạng Việt Nam, trong đó có bài học không ngừng tăng cường đại đoàn kết dân tộc.

Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹⁰. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng thành quả sau 30 năm đổi mới đất nước.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định đoàn kết các dân tộc thiểu số có vị trí chiến

lược trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Đảng, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo chuyển biến cụ thể, rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu trong các dân tộc, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách dân tộc.

Những quan điểm lý luận về vấn đề dân tộc của Đảng qua các đại hội từ năm 1976 đến năm 2016 không ngừng phát triển, bổ sung một cách sinh động và sáng tạo đáp ứng đòi hỏi thực tiễn của cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 37, tr. 605-607

2. Xem *Sđd*, T. 43, tr. 132-133

3. Xem *Sđd*, T. 47, tr. 431-432

4, 5. Xem *Sđd*, T. 51, tr. 134, 105

6. Xem *Sđd*, T. 53, tr. 72-76

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 125

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX)* <http://dangcongsan.vn>, ngày 12-6-2017

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 127

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 158.